

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN CÁT
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2025/KDTM-ST

Ngày: 28-3-2025

V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lại Thị Ngọc Bích.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Thành Tâm

2. Ông Đỗ Minh Tùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Nga - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 72/2024/TLST-DS ngày 12/11/2024 về tranh chấp hợp đồng mua bán theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2025/QĐXXST-KDTM ngày 21 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2025/QĐHPTST ngày 11 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty BLVN.

Địa chỉ trụ sở: Thửa đất số 808, tờ bản đồ số 21, ấp SC, xã TT, huyện DT, tỉnh Bình Dương.

Đại diện theo pháp luật: ông Wu J, chức vụ Giám đốc

Người đại diện theo uỷ quyền:

1. Ông Trần Bảo A, sinh năm 1998;

2. Bà Trần Thị Thảo U, sinh năm 1997.

Cùng địa chỉ: Số 600 đường PNT, phường PM, thành phố TDM, tỉnh Bình Dương.

Theo Giấy uỷ quyền ngày 24/10/2024. Có đơn xin vắng mặt.

- *Bị đơn*: Công ty TD; địa chỉ trụ sở: Số 213 đường DT 744 tổ 2, ấp An Thuận, xã Phú An, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương

Đại diện theo pháp luật: Ông Lâm Thanh Q, chức vụ Giám đốc. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Công ty BLVN là ông Trần Bảo A trình bày:

Ngày 21/4/2023, Công ty BLVN và Công ty TD ký Hợp đồng nguyên tắc số 2023-01/BL-TD/HĐNT với nội dung: Công ty BLVN bán cho Công ty TD các loại: Sơn, dung môi, tinh màu, phụ gia sơn ... cho ngành gỗ. Số lượng và quy cách theo từng đơn đặt hàng của Công ty TD. Đơn giá theo bảng báo giá hai bên đã ký duyệt (nếu đơn giá có thay đổi, bên bán sẽ gửi bảng báo giá cho bên mua trước 15 ngày), phương thức thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản trong vòng 30 ngày tính từ thời điểm chốt công nợ (thời gian chốt công nợ vào ngày 25 tây hàng tháng, thanh toán trước ngày 30 dương).

Thực hiện theo hợp đồng Công ty BLVN đã giao hàng cho Công ty TD theo đúng thỏa thuận và các bên đã xác nhận giao nhận hàng.

Ngày 25/06/2023, hai bên tiến hành chốt công nợ tháng 06/2023 số tiền: 203.109.377 đồng theo biên bản đối chiếu công nợ, Công ty BLVN nhiều lần nhắc nhở để yêu cầu Công ty TD trả nợ, tuy nhiên Công ty TD vẫn không thực hiện nghĩa vụ. Do đó, số tiền mà Công ty TD còn nợ trong đợt hàng tháng 06/2023 là 203.109.377 đồng.

Ngày 25/07/2023, hai bên tiến hành chốt công nợ tháng 07/2023 số tiền: 101.879.998 đồng theo biên bản đối chiếu công nợ, Công ty BLVN nhiều lần nhắc nhở để yêu cầu Công ty TD trả nợ, tuy nhiên Công ty TD vẫn không thực hiện nghĩa vụ. Do đó số tiền mà Công ty TD còn nợ trong đợt hàng tháng 07/2023 là 101.879.998 đồng.

Ngày 25/08/2023, hai bên tiến hành chốt công nợ tháng 08/2023 số tiền: 8.195.440 đồng theo biên bản đối chiếu công nợ, Công ty BLVN nhiều lần nhắc nhở để yêu cầu Công ty TD trả nợ, tuy nhiên Công ty TD vẫn không thực hiện nghĩa vụ. Do đó số tiền mà Công ty TD còn nợ trong đợt hàng tháng 08/2023 là 8.195.440 đồng.

Ngày 25/09/2023, hai bên tiến hành chốt công nợ tháng 09/2023 số tiền: 40.607.655 đồng theo biên bản đối chiếu công nợ, Công ty BLVN nhiều lần nhắc nhở để yêu cầu Công ty TD trả nợ, tuy nhiên Công ty TD vẫn không thực hiện nghĩa vụ. Do đó số tiền mà Công ty TD còn nợ trong đợt hàng tháng 09/2023 là 40.607.655 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty TD đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Số công nợ các tháng 06/2023; 07/2023; 08/2023; 09/2023 của Công ty TD chưa thanh toán cho Công ty BLVN số tiền: 353.792.470 đồng.

Theo quy định tại Điều 3 Hợp đồng nguyên tắc số 2023-01/BL-TD/HĐNT ngày 21/04/2023 quy định: “*Phương thức thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản trong vòng 30 ngày tính từ thời điểm chốt công nợ (Thời gian chốt công nợ vào ngày 25 tây hàng tháng, thanh toán trước ngày 30 dương)*”. Mặc dù, đã nhận số lượng hàng theo các đơn hàng và xác nhận công nợ giữa các bên nhưng Công ty TD không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận. Nên ngoài nghĩa vụ phải thanh toán số công nợ còn lại thì Công ty TD còn phải có nghĩa vụ thanh toán tiền lãi suất chậm trả cho Công ty BLVN.

Yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát giải quyết:

1. Buộc Công ty TD thanh toán công nợ cho Công ty BLVN số tiền: 353.792.470 đồng.

2. Buộc Công ty TD phải trả lãi suất chậm trả với mức lãi suất 10%/năm, cụ thể:

- Công nợ tháng 06/2023, còn nợ 203.109.377 đồng, tạm tính từ ngày 25/6/2023 đến ngày 25/10/2024 là 16 tháng, tiền lãi tạm tính là: 27.081.250 đồng.

- Công nợ tháng 07/2023, còn nợ 101.879.998 đồng, tạm tính từ ngày 25/7/2023 đến ngày 25/10/2024 là 15 tháng, tiền lãi tạm tính là: 12.734.999 đồng.

- Công nợ tháng 8/2023, còn nợ 8.195.440 đồng, tạm tính từ ngày 25/8/2023 đến ngày 25/10/2024 là 14 tháng, tiền lãi tạm tính là: 956.134 đồng.

- Công nợ tháng 9/2023, còn nợ 40.607.655 đồng, tạm tính từ ngày 25/9/2023 đến ngày 25/10/2024 là 13 tháng, tiền lãi tạm tính là: 4.399.163 đồng.

Tổng số tiền yêu cầu tạm tính là: 398.964.016 đồng.

Đối với bị đơn Công ty TD: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt được các văn bản tố tụng cho bị đơn Công ty TD bao gồm: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm cho bị đơn Công ty TD theo hình thức niêm yết công khai tại trụ sở Công ty TD theo quy định tại Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bị đơn Công ty TD không đến Tòa án tham gia tố tụng, không gửi văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không có đơn yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn.

Tại phiên tòa:

Kiểm sát viên đại diện VKSND thành phố Bến Cát phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Thời hạn thụ lý, giải quyết vụ án, việc cấp tổng đạt văn bản pháp luật và việc tuân thủ quy định pháp luật của người tham gia tố

tụng là nguyên đơn, người tiến hành tố tụng đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vi phạm quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp:

Công ty BLVN khởi kiện yêu cầu Công ty TD thanh toán số tiền nợ theo Hợp đồng mua bán nên đây là tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Công ty TD có địa chỉ trụ sở xã Phú An, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương theo quy định tại Điều 30, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến.

[2]. Về việc xét xử vắng mặt:

Tòa án đã tổng đạt thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm cho bị đơn theo hình thức niêm yết công khai tại trụ sở Công ty TD theo quy định tại Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bị đơn Công ty TD vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về chứng cứ:

Tại Biên bản phiên họp tiếp cận, kiểm tra và công khai chứng cứ ngày 21/02/2025, nguyên đơn thông nhất chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và chứng cứ do Tòa án thu thập. Tòa án đã niêm yết Thông báo kết quả việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ của Tòa án cho bị đơn nhưng bị đơn không có ý kiến khiếu nại hay thắc mắc hoặc yêu cầu thu thập thêm chứng cứ, cung cấp chứng cứ liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án sẽ căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Trong quá trình tố tụng Tòa án đã tiến hành tổng đạt văn bản tố tụng theo quy định cho bị đơn nhưng bị đơn vắng mặt, không cung cấp tài liệu chứng cứ,

không có văn bản trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên phải chịu hậu quả pháp lý về việc vắng mặt không lý do.

[4.1] Về yêu cầu thanh toán tiền hàng:

Theo hồ sơ tài liệu kèm theo đơn khởi kiện nguyên đơn cung cấp thể hiện:

Ngày 21/4/2023, giữa Công ty BLVN và Công ty TD ký kết Hợp đồng nguyên tắc số 2023-01/BL-TD/HĐNT.

Thực hiện hợp đồng, Công ty BLVN đã giao hàng cho Công ty TD căn cứ theo đơn đặt hàng của Công ty TD và có người của Công ty TD ký nhận tại phiếu giao hàng. Sau khi giao nhận hàng hoá, Công ty BLVN đã tiến hành xuất hoá đơn giá trị gia tăng gửi cho Công ty TD, cụ thể:

- Hoá đơn giá trị gia tăng ngày 27/6/2023, số tiền 203.109.377 đồng cho các Phiếu giao hàng ngày 24/5/2023, 30/5/2023, 02/6/2023, 05/6/2023, 08/6/2023, 13/6/2023, 21/6/2023 tương ứng với các Đơn đặt hàng ngày 24/5/2023, 30/5/2023, 01/6/2023, 05/6/2023, 07/6/2023, 13/6/2023, 13/6/2023;

- Hoá đơn giá trị gia tăng ngày 28/7/2023, số tiền 101.879.998 đồng cho các Phiếu giao hàng ngày 27/6/2023, 19/7/2023, 21/7/2023 tương ứng với các Đơn đặt hàng ngày 26/6/2023, 18/7/2023, 21/7/2023;

- Hoá đơn giá trị gia tăng ngày 28/8/2023, số tiền 8.195.440 đồng cho các Phiếu giao hàng ngày 01/8/2023, 02/8/2023 tương ứng với các Đơn đặt hàng ngày 02/8/2023;

- Hoá đơn giá trị gia tăng ngày 27/9/2023, số tiền 40.607.655 đồng cho 02 Phiếu giao hàng ngày 28/8/2023 tương ứng với các Đơn đặt hàng ngày 28/8/2023.

Xét thấy, việc ký hợp đồng do các bên tự nguyện giao kết, không trái quy định pháp luật nên có hiệu lực pháp luật và là cơ sở phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa hai bên. Căn cứ vào các hoá đơn, phiếu giao hàng, phiếu đặt hàng nêu trên do Công ty BLVN cung cấp, Công ty TD đã nhận hàng và phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty BLVN với tổng số tiền 353.792.470 đồng, nhưng Công ty TD không thanh toán là đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Công ty BLVN khởi kiện yêu cầu Công ty TD thanh toán số tiền 353.792.470 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[4.2] Về lãi suất chậm trả:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 24/10/2024 và Đơn xin giải quyết vắng mặt ngày 26/3/2025 thể hiện Công ty BLVN yêu cầu Công ty TD phải trả lãi suất chậm trả với mức lãi suất 10%/năm, cụ thể:

- Công nợ tháng 06/2023 tính từ ngày 25/7/2023 đến ngày 28/3/2025 là: 21 tháng 03 ngày x 203.109.377 đồng x 10%/năm = 34.020.817 đồng.

- Công nợ tháng 07/2023 tính từ ngày 25/8/2023 đến ngày 28/3/2025 là: 19 tháng 03 ngày x 101.879.998 đồng x 10%/năm = 16.215.880 đồng.

- Công nợ tháng 8/2023 tính từ ngày 25/9/2023 đến ngày 28/3/2025 là 19 tháng x 8.195.440 đồng x 10%/năm = 1.297.611 đồng.

- Công nợ tháng 9/2023 tính từ ngày 25/10/2023 đến ngày 28/3/2025 là 17 tháng x 40.607.655 đồng x 10%/năm = 5.752.751 đồng.

Căn cứ vào Điều 36 Luật Thương mại mức lãi suất được tính bình quân liên ngân hàng của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Bến Cát; Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Bình Dương; Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn – Chi nhánh Bến Cát là $(12.5\%/năm + 9.75\%/năm + 8.59\%/năm) : 3 : 12 \text{ tháng} = 10.29\%/năm$.

Mức lãi suất nguyên đơn yêu cầu 10%/năm là thấp hơn mức lãi suất bình quân liên ngân hàng là có lợi cho bị đơn nên chấp nhận.

Xét phương thức thanh toán tại Điều 3 của Hợp đồng nguyên tắc số 2023-01/BL-TD/HĐNT các bên thoả thuận thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản trong vòng 30 ngày tính từ thời điểm chốt công nợ (thời gian chốt công nợ vào ngày 25 dương hàng tháng, thanh toán trước ngày 30 dương), Công ty BLVN đã xuất hoá đơn ngày 27/6/2023, 28/7/2023, 28/8/2023 và ngày 27/9/2023 hết thời hạn theo thoả thuận tại Điều 3 của Hợp đồng nhưng Công ty TD không thanh toán nên Công ty BLVN yêu cầu tiền lãi chậm trả là có căn cứ chấp nhận.

Như vậy, bị đơn có nghĩa vụ thanh toán số tiền lãi chậm trả cho nguyên đơn là: 57.287.059 đồng.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

[6] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Nguyên đơn không phải chịu. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 30, 35, 39, 91, 147, 271, 272 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 24, Điều 50, Điều 306 và Điều 319 Luật Thương mại;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty BLVN đối với bị đơn Công ty TD về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa:

Buộc Công ty TD có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty BLVN số tiền là: 411.079.529 (bốn trăm mười một triệu không trăm bảy mươi chín ngàn năm trăm hai mươi chín) đồng, trong đó:

- Nợ gốc là 353.792.470 đồng;
- Số tiền lãi chậm thanh toán: 57.287.059 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi bằng mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty BLVN không phải nộp án phí, hoàn trả Công ty BLVN số tiền 9.974.100 đồng (chín triệu chín trăm bảy mươi bốn ngàn một trăm) tạm ứng đã nộp theo Biên lai số 0005792 ngày 11/11/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Công ty TD phải nộp 20.443.181 đồng (hai mươi triệu bốn trăm bốn mươi ba ngàn một trăm tám mươi một đồng) án phí sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014)./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Bến Cát;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thành phố Bến Cát;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lại Thị Ngọc Bích

